TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:37/2017/HNGĐ-ST
Ngày:20-9-2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Bà Trần Thị Thu Thảo

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu -Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:110/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:32/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*: Nguyễn Thị Mỷ T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*: Lê Minh N**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỷ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh N sống chung với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2016. Mâu Thuẫn phát sinh từ tháng tháng 10 năm 2009 do trong cuộc sống gia đình anh N không tôn trọng ý kiến của chị, mọi vấn đề trong gia đình anh N đều tự ý quyết định hoặc chỉ nghe theo ý kiến của cha, mẹ anh, không quan tâm đến suy nghĩ của chị. Chị và anh N

đã không còn sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy chị và anh N không còn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên là Lê Dương Tường V, sinh ngày 12/7/2010. Cháu đang sống chung với anh N. Chị đã nhiều lần liên hệ với gia đình chồng xin được gặp cháu nhưng cha, mẹ chồng đều nói cháu đã đi theo anh N và hiện tại chị cũng không biết cháu ở địa chỉ nào. Sau khi nộp đơn ly hôn chị có nói chuyện với cháu V và nói cho cháu biết cha mẹ không còn sống chung nữa, chị có hỏi cháu muốn sống với mẹ hay với cha thì cháu trả lời cháu muốn sống với cha. Do nguyện vọng của cháu V muốn sống với cha nên khi ly hôn chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 02/8/2017 bị đơn anh Lê Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Mỷ T sống chung năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Anh và chị T phát sinh mâu thuẫn do chị T cho rằng anh không quan tâm đến chị, vợ chồng cự cải và chị T đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở mấy tháng nay. Anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên là Lê Dương Tường V, sinh ngày 12/7/2010. Cháu đang sống chung với anh. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỷ T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Minh N, chị đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con chung.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Mỷ T được ly hôn với anh Lê Minh N, ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N về việc giao con chung là Lê Dương Tường V cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỷ T tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Lê Minh N có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ T và anh Lê Minh N sống chung có đăng ký kết hôn năm 2016, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2009 đến nay do anh N không tôn trọng ý kiến của chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cải. Chị T đã thuê nhà trọ sống riêng và anh, chị chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N, chị T khi mới phát sinh là không lớn nhưng anh, chị không có giải pháp giải quyết mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nhiều năm và vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Trong suốt quá trình ly thân anh, chị hoàn toàn không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không ai thể hiện mong muốn đoàn tụ. Anh N không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nhưng anh không đưa ra một giải pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm mở phiên Tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến hòa giải đoàn tụ và dự phiên tòa nhưng anh N chỉ đến Tòa án trình bày ý kiến một lần, tất cả những lần triệu tập khác anh N đều vắng mặt nên ý kiến của anh N về việc mong muốn đoàn tụ là không có căn cứ. Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh N. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỷ T.

[4] Về con chung: Anh N và chị T có một con chung tên là Lê Dương Tường V, sinh ngày 12/7/2010. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập ý kiến của cháu V về nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn nhưng cháu V không có mặt tại nơi có hộ khẩu thường trú. Anh N và chị T đều xác định hiện tại cháu V đang sống chung với anh N. Quá trình giải quyết vụ án chị T xác định chị không biết địa chỉ nơi cháu V ở và anh N cũng không cung cấp địa chỉ nơi ở của cháu V nên Tòa án không thể thu thập được ý kiến thể hiện nguyện vọng của cháu V muốn sống chung với ai khi cha, mẹ ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án chị T và anh N thống nhất khi ly hôn anh N trực tiếp nuôi con chung. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên ý kiến đồng ý để anh N trực tiếp nuôi con chung, chị không tranh chấp việc nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của anh N, chị T về việc nuôi con khi ly hôn là tự nguyện và anh, chị đều thừa nhận cháu V đã sống chung với anh N từ nhỏ đến nay đã ổn định nên việc

tiếp tục để anh N nuôi cháu V là phù hợp thực tế và phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N, giao con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Mỷ T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh N khai thu nhập bình quân của anh mỗi tháng 6.000.000đồng đến 7.000.000đồng, đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỷ T được ly hôn với anh Lê Minh N.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Dương Tường Vy, sinh ngày 12/7/2010 cho anh Lê Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Mỷ T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Mỷ T chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Minh N chưa có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỷ T phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí

chị Nguyễn Thị Mỷ T đã nộp theo biên lai thu số 18679 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị T đã nộp xong án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Mỷ T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Minh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T, huyện T, Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Thị Kim Hương